TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: **38**/2021/HS-ST
Ngày 27/01/2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮKLẮK

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Th Hiền.

- *Các hội thẩm nhân dân**:***

1. Ông Nguyễn Văn Hạnh.

2. Bà Tống Thị Điệp.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa*: Bà Đỗ Thị H Hà - Cán bộ Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột*** *tham gia phiên tòa:* Ông Lê Viết Bình; Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, Toà án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột đã đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 427/2020/HSST ngày 07/12/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 458/2020/QĐXXST-HS ngày 28/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST – TA ngày 08/01/2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Văn T;** Tên gọi khác: Lộc; Giới tính: Nam; Sinh ngày 24 tháng 11 năm 1997; Tại: Nam Định; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Đội 00, xã Ngh, huyện Nghĩa H, tỉnh Nam Định; Con ông: Trần Văn M, sinh năm: 1972; Con bà: Lưu Thị Gi, sinh năm: 1974; Gia đình bị cáo có 03 anh, em ruột, bị cáo là con thứ ba. Hiện đều trú tại: Đội 00, xã Ngh, huyện Nghĩa H, tỉnh Nam Định. Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án; tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Trần Văn Th**; Tên gọi khác: Út; Sinh ngày 20 tháng 7 năm 2000; Tại: Nam Định; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn 9/12; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Xóm Đ, xã Ngh, huyện Nghĩa H, tỉnh Nam Định; Con ông Trần Văn Kh, sinh năm: 1964; Con bà Nguyễn Thị H, sinh năm

1970; Gia đình bị cáo có 04 anh, bà em ruột, bị cáo là thứ tư; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông Bùi Văn Ph, sinh năm 1951.

Địa chỉ: Số 00 Tạ Quang B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2/ Bà Nguyễn Thị H Th, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 00 M Hắc Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3/ Bà Huỳnh Thị Minh Th, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Hẻm 00 Phạm Văn Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

4/ Trần Thị Xuân M, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số 00 Nguyễn Kh, phường phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

5/ Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Tổ dân phố 00, phường phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

7/ Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số 00 Phạm Văn Đ, phường phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

8/ Bà Phan Thị H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn 00, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

9/ Bà H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Buôn 00 xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

10/ Bà Phan Ng H, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số 00 Nguyễn Phúc Ch, phường T, thành phố B tỉnh Đắk Lắk.

11/ Bà HLai Mỹ C1, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số 00 Nguyễn Phúc Ch, phường T, thành phố B tỉnh Đắk Lắk.

12/ Ông Võ Thanh Tr, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 00, X, thị trấn Ph, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

13/ Bà Ngô Thị T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 00 Đoàn Thị Đ, tổ dân phố 00, thị trấn Ph, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

14/ Bà Trần Thị C, sinh năm 1976.

Địa chỉ: 00 Nguyễn Kh, phường phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

15/ Bà Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn 00, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

16/ Bà Phan Thị Ng, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Tổ dân phố 00, thị trấn Ph, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

(Tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do hám lợi và muốn có tiền tiêu xài nên Trần Văn Th và Trần Văn T đã cho người khác vay tiền góp với lãi nặng, cụ thể như sau:

Tháng 6/2020, Trần Văn T từ tỉnh Nam Định đến thành phố Buôn Ma Thuột thuê nhà tại địa chỉ 00 Nguyễn Cơ Th, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, mục đích để cho vay tiền. Để quản lý việc cho vay, T mua 01 tài khoản trên mạng của một người (chưa xác định được lai lịch) và đặt tên đăng nhập: "tranloc95", mật khẩu: "locphat" tại Website: "admin.mecash.vn". T thuê Trần Văn Th với số tiền 5.000.000 đồng/tháng, Th có nhiệm vụ phụ giúp T việc thu tiền của người vay. Ngoài ra, T trả thêm 5% tổng số tiền đối với mỗi lần vay cho Th, cung cấp phương tiện đi lại và lo chi phí ăn ở, sinh hoạt hàng ngày cho Th.

Khi thực hiện việc cho vay, T và Th in các số điện thoại 0358498001, 0927752051 và 0905109565 trên tờ rơi với nội dung "Cho vay tiền, thủ tục nhanh gọn, không C Th chấp tài sản", rồi đến những nơi đông người qua lại để tìm người có nhu cầu vay tiền. Khi những người có nhu cầu vay tiền sẽ liên lạc qua số điện thoại trên gặp T hoặc Th để thỏa thuận việc cho vay tiền. Trước khi cho vay, T và Th đến nhà từng người vay xác minh nơi trú tại, sổ hộ khẩu, giấy tờ tuỳ thân và khả năng chi trả nợ để cho vay số tiền từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/người/lần, thời hạn vay là 25 ngày, người vay phải trả tiền gốc, lãi là 5%/ngày và trả trước từ 01 đến 02 ngày (ngày đầu và ngày cuối) là 10%. Ngoài ra, T, Th còn thu 10% tổng tiền vay gọi là phí dịch vụ. Chưa hết thời gian trả nợ mà người vay có nhu cầu vay thêm (Đáo hạn) thì T, Th tiếp tục tính chi phí như đã nêu trên và trừ số tiền còn nợ của lần vay trước đó (với điều kiện phải đóng được ít nhất 10 ngày).

Để trốn tránh việc bị Cơ quan chức năng phát hiện và xử lý về hành vi cho vay lãi nặng, quá trình cho vay T và Th không giữ lại giấy tờ tùy thân và cũng không làm hợp đồng cho vay. Hàng ngày, Th sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, Sirius, biển số: 47L1-178.21, làm phương tiện để đi thu tiền gốc và lãi, sau đó về báo lại cho T để cập nhật vào phần mềm quản lý người vay. Người nào chậm trả nợ T và Th cho khất lại đến ngày hôm sau, số tiền chậm trả không tính thêm lãi mà sẽ cộng dồn vào các ngày tiếp theo.

Ngày 29/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, phát hiện Trần Văn Th và Trần Văn T đang thu tiền của người vay tại địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột và tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy S8 Plus, màu đen, số IMEI: 359116088855987/01; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu bạc, số IMEI: 353271071129423; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu sơn trắng xanh, số khung: 1740FY006968, số máy E3T6E040493, biển số 47L1-178.21, để phục vụ công tác điều tra.

Quá trình điều tra xác định được từ tháng 6/2020 đến ngày 29/8/2020, tại địa bàn thành phố B và huyện K, tỉnh Đắk Lắk, Trần Văn T và Trần Văn Th, đã cho 14

cá nhân vay tiền, với mức lãi suất từ 360% đến 421,15/01 năm (tức gấp 18 đến 21 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định trong Bộ luật dân sự), cụ thể như sau:

Người thứ nhất: **Phan Ng H,** sinh năm: 1957, trú tại: 00 Nguyễn Phúc Ch, phường T, thành phố B, Tỉnh Đắk Lắk vay của Th và T cụ thể: Ngày 25/6/2020 bà H vay của Th và T số tiền là 2.000.000 đồng, thời gian vay là 25 ngày, số tiền phí là 200.000 đồng, mỗi ngày đóng 100.000 đồng (tiền gốc là 80.000 đồng, tiền lãi là 20.000 đồng). Bà H đóng trong 15 ngày thì hết khoản nợ trên. Tiền lãi bà H đóng trong 15 ngày là 300.000đ (lãi suất tương đương 183,5%/năm). Số tiền T và Th thu lợi bất chính cho lần vay này là: 300.000đ (lãi đã thu) - 16,438 đồng (lãi suất tối đa pháp luật cho phép) + 200.000đ phí = **483.562 đồng.** Sau đó, bà H tiếp tục vay (đáo hạn) số tiền là 3.000.000 đồng, thời gian là 25 ngày, số tiền phí là 300.000 đồng, mỗi ngày đóng 150.000 đồng (tiền gốc là 120.000 đồng, tiền lãi là 30.000 đồng). Sau khi đóng được một số ngày thì bà H tiếp tục vay (đáo hạn) thêm 04 lần nữa. Sau khi vay các lần tiền nói trên bà H đóng trong thời gian đóng được 67 ngày thì hết số tiền nói trên. Số tiền lãi bà H đóng được trong 67 ngày là 2.010.000đ (lãi suất tương đương 182,4%/năm) Số tiền T và Th thu lợi bất chính cho lần vay này là = 2.010.000đ (lãi đã thu) - 110.137đ (lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật) + (300.000đ phí/1lần vay x 5) = **3.399.863 đồng.** Lần cuối cùng bà H vay T và Th số tiền là 4.000.000 đồng, thời gian là 25 ngày, số tiền phí là 400.000 đồng, mỗi ngày đóng 200.000 đồng (tiền gốc là 160.000 đồng, tiền lãi là 40.000 đồng). Bà H mới đóng được 02 ngày, số tiền là 400.000 đồng (lãi suất tương đương 183,5%/năm).Trong đó gốc là 360.000đ, tiền lãi là 80.000đ (lãi suất tương đương 182,4%/năm). Số tiền mà T và Th thu lợi bất chính của lần vay này là 80.000đ(lãi đã thu) – 4.384đ lãi cao nhất theo quy định của pháp luật) + 400.000 đ phí **= 475.616 đồng.** Số tiền gốc bà H chưa trả là 3.640.000đ. Vậy, tổng số tiền T và Th thu lợi bất chính từ bà H là 483.562 + 3.399.863 + 475.616 **= 4.359.041 đồng.**

Người thứ hai: Trần Thị C**,** sinh năm: 1976, trú tại: 00 Nguyễn Kh, phường T, Thành phố B, Tỉnh Đắk Lắk. Bà C vay của Th và T số tiền là 5.000.000 đồng, thời gian vay là 25 ngày, số tiền phí là 500.000 đồng, mỗi ngày đóng 250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 200.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng). Sau khi đóng được một số ngày thì bà C tiếp tục vay (đáo hạn) thêm 05 lần nữa, tổng cộng 06 lần vay bà C đóng được 81 ngày, trong đó lần vay cuối cùng đóng được 09 ngày, số tiền lãi bà C đóng trong 81 ngày là 4.050.000 đồng (lãi suất tương đương 182,4%/năm). Như vậy, số tiền T và Th thu lợi bất chính là 4.050.000đ (lãi đã thu) - 221.918đ (lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật) + (500.000đ phí /lần x 6 lần) = **6.828.082 đồng.** Bà C còn nợ tiền gốc trong 16 ngày là 3.200.000đ

Người thứ ba: **Huỳnh Thị C,** sinh năm: 1968, trú tại: Tổ dân phố 00, phường T, thành phố B, Tỉnh Đắk Lắk, đã vay của Th và T số tiền là 5.000.000 đồng, thời gian vay là 25 ngày, số tiền phí là 500.000 đồng, mỗi ngày đóng 250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 200.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng). Sau khi đóng được một số ngày thì bà C tiếp tục vay (đáo hạn) thêm 04 lần nữa. Tổng cộng 05 lần vay bà C đóng được 63 ngày. Trong đó số tiền lãi bà C đã đóng trong

63 ngày là 3.150.000 đồng (lãi suất tương đương 182,4%/năm). Số tiền thu lợi bất chính = 3.150.000đ (tiền lãi đã thu) - 172.603đ (lãi tối đa pháp lật cho phép 20%/năm) + (500.000phí/lần x 5 lần) = **5.477.397 đồng.** Bà Huỳnh Thị C còn nợ lại số tiền gốc là 2.800.000đ

Người thứ 4. **Lai Mỹ C1,** sinh năm: 1967, trú tại: 00 Nguyễn Phúc Ch, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đã vay của Th và T số tiền là 5.000.000 đồng, thời gian vay là 25 ngày, số tiền phí là 500.000 đồng, mỗi ngày đóng 250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 200.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng). Sau khi đóng được một số ngày thì bà C1 tiếp tục vay (đáo hạn) thêm 04 lần nữa. Tổng cộng 05 lần vay bà C1 đóng được 54 ngày. Số tiền lãi bà C1 đã đóng trong 54 ngày là 2.700.000 đồng (lãi suất tương đương 182,4%/năm).

Số tiền T và Th thu lợi bất chính = 2.700.000đ (tiền lãi đã thu) - 147.945đ (lãi cao nhất theo quy định của pháp luật) + (500.000đ phí/lần x 5 lần) = **5.052.055 đồng. T**rong đó lần vay cuối cùng bà C1 mới đóng được 09 ngày, còn nợ 16 ngày với số tiền nợ gốc chưa trả là 3.200.000đ.

Người thứ 5: **Bà H**, sinh năm: 1979, trú tại: B 00, Xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đã vay của Th và T số tiền là 5.000.000 đồng, thời gian vay là 25 ngày, số tiền phí là 500.000 đồng, mỗi ngày đóng 250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 200.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng). Sau khi đóng được một số ngày thì bà Hnul tiếp tục vay (đáo hạn) thêm 03 lần nữa. Tổng cộng 04 lần vay. Sau khi vay tiền bà Hnul đóng được 46 ngày, số tiền lãi bà H đóng 46 ngày 2.300.000 đồng (lãi suất tương đương 182,4%/năm). Số tiền thu lợi bất chính = 2.300.000 đ (lãi đã thu) – 126.027đ (lãi suất cao nhất theo pháp luật quy định) + 500.00đ phí/lần vay x 4 lần = **4.173.973 đồng.** Trong đó lần vay cuối cùng bà H mới đóng được 06, còn nợ 19 ngày với số tiền nợ gốc là 3.800.000đ.

Người thứ 6: **Phan Thị H**, sinh năm: 1974, trú tại: Thôn 00, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đã vay của Th và T số tiền là 5.000.000 đồng, thời gian vay là 25 ngày, số tiền phí là 500.000 đồng, mỗi ngày đóng 250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 200.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng) . Bà Hà đã đóng được 10 ngày với số tiền nợ gốc là 2.000.000đ. tiền lãi là 500.000đ (lãi suất tương đương 182,4%/năm). Số tiền T và Th thu lợi bất chính = 500.000đ (lãi đã thu) - 27.397đ (lãi cao nhất theo quy định của pháp luật) + 500.000 phí **= 972.603 đồng, bà H còn nợ lại** số tiền nợ gốc là 3.000.000đ.

Người thứ 07: **Trần Thị Xuân M,** sinh năm: 1963, trú tại: 00 Nguyễn Kh, phường T, thành phố B, Tỉnh Đắk Lắk, đã vay của Th và T số tiền là 4.000.000 đồng, thời gian vay là 25 ngày, số tiền phí là 400.000 đồng, mỗi ngày đóng 200.000 đồng (trong đó tiền gốc là 160.000 đồng, tiền lãi là 40.000 đồng). Sau khi đóng được một số ngày thì bà M tiếp tục vay (đáo hạn) thêm 02 lần nữa. Tổng cộng 03 lần vay bà M đóng được 37 ngày. Trong đó số tiền lãi bà M đã đóng trong 37 ngày là 1.480.000 đồng (lãi suất tương đương 182,4%/năm). Số tiền T và Th đã thu lợi bất chính 1.480.000đ (lãi đã thu) –81.096 + 400.00 x 3= **2.598.904 đồng.** Bà M còn nợ số tiền gốc chưa trả là 1.920.000đ

Người thứ 08: **Phan Thị Ng,** sinh năm 1966, trú tại: Tổ dân phố 00, thị trấn Ph, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đã vay của Th và T số tiền là 5.000.000 đồng, thời gian vay là 25 ngày, số tiền phí là 500.000 đồng, mỗi ngày đóng 250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 200.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng). Bà Ng mới đóng được 16 ngày, số tiền lãi bà Ng đã đóng trong 16 ngày là 800.000 đồng (lãi suất tương đương 182,4%/năm). Số tiền Th và T thu lợi bất chính = 800.000 đ (lãi đã thu) - 43.835(lãi tối đa do nhà nước quy định) +500.000đ phí **= 1.256.165 đồng.** Bà Ng còn nợ lại số tiền gốc là 1.800.000đ

Người thứ 09: **Bùi Văn Ph,** sinh năm: 1951, trú tại: 00 Tạ Quang B, phường T, thành phố B, Tỉnh Đắk Lắk, đã vay của Th và T số tiền là 3.000.000 đồng, thời gian vay là 25 ngày, số tiền phí là 300.000 đồng, mỗi ngày đóng 150.000 đồng (trong đó tiền gốc là 120.000 đồng, tiền lãi là 30.000 đồng). Sau đó, anh Ph tiếp tục vay (đáo hạn) thêm 01 lần nữa với số tiền và cách tính lãi, phí như trên. Tổng cộng 02 lần vay đối với khoản vay anh Ph trả trong vòng 35 ngày thì xong số tiền trên. Như vậy đối với khoản vay trên ông Ph đã đóng là 6.000.000đ, tiền lãi 35 x 30.000/ngày = 1.050.000đồng (lãi suất tương đương 182,4%/năm) Số tiền T và Th thu lợi bất chính đối với hai lần vay này là 1.050.000đ (lãi đã thu) - 57.534đ (lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước) **+ (**300.000đ phí/lần x 2 lần) **= 1.592.466 đồng.**

Sau đó, anh Ph tiếp tục vay số tiền 2.000.000 đồng, phí là 200.000 đồng, thời gian vay là 25 ngày, mỗi ngày đóng 100.000 đồng (trong đó tiền gốc là 80.000 đồng, tiền lãi là 20.000 đồng. Số tiền lãi tối đa cho phép trong vòng 08 ngày là 160.000đ (lãi suất tương đương 182,4%/năm). Số tiền T và Th đã thu lợi bất chính là 160.000đ (tiền lãi đã thu) - 8.767đ (tiền lãi tối đa theo quy định của nhà nước) + 200.000 phí **= 351.233 đồng.** Tổng cộng trong ba lần cho ông Ph vay tiền T và Th đã thu lợi bất chính là 1.592.466đ + 351.233đ = **1.943.699 đồng.** Ông Ph còn chưa thanh toán tiền gốc 1360.000đ.

Người thứ 10: **Huỳnh Thị Minh Th**, sinh năm1990, trú tại: Hẻm 00 Phạm Văn Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đã vay của Th và T số tiền là 5.000.000 đồng, thời gian vay là 25 ngày, số tiền phí là 500.000 đồng, mỗi ngày đóng 250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 200.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng, lãi suất tương đương 182,5%/năm). Sau khi đóng được một số ngày thì bà Thảo tiếp tục vay (đáo hạn) thêm 02 lần nữa. Tổng cộng 03 lần vay bà Thảo đóng được 31 với số tiền tiền lãi là 1.550.000 (tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 84.932 đồng). Như vậy số tiền T và Th thu lợi bất chính bao gồm liền lãi và tiền phí mà là 1.550.000 (lãi đã thu) - 84.932đ (tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước) + (500.00đ phí/lần x 3lần) = **2.965.068 đồng.** Số tiền nợ gốc bà Huỳnh Thị Minh Th **c**òn chưa trả là 2.600.000đ.

Người thứ 11: **Nguyễn Thị Th,** (sinh năm: 1960, trú tại: 00 Phạm Văn Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk), vay của Th và T số tiền là 6.000.000 đồng, thời gian vay là 25 ngày, số tiền phí là 600.000 đồng, mỗi ngày đóng 300.000 đồng. Trong đó tiền gốc là 240.000 đồng, tiền lãi là 60.000 đồng, lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Bà Th đóng được 14 ngày với số tiền 4.200.000đ. trong đó

tiền gốc là 3.360.000đ, tiền lãi là 840.000 trong (tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 46.027 đồng). Như vậy số tiền T và Th thu lợi bất chính bao gồn liền lãi và tiền phí mà là 840.000 - 46.027 + 600.000= **1.393.973 đồng.** Số tiền nợ gốc bà Th còn chưa trả là 2.640.000đ.

Người thứ 12: **Nguyễn Thị Th**, sinh năm: 1973, trú tại: Thôn 00, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đã vay của Th và T số tiền là 10.000.000 đồng, thời gian vay là 25 ngày, số tiền phí là 1.000.000 đồng, mỗi ngày đóng 500.000 đồng. Trong đó tiền gốc là 400.000 đồng, tiền lãi là 100.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,4%/năm). Bà Thuỷ đã đóng được 20 ngày với số tiền là 10.000.000đ, trong đó gốc là 8.000.000đ lãi là 2.000.000đ trong (tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 109.590 đồng). Như vậy số tiền T và Th thu lợi bất chính bao gồn liền lãi và tiền phí mà là 2.000.000đ (lãi đã thu) - 109.590 đồng (lãi cao nhất theo quy định của nhà nước) + 1.000.000đ phí = **2.890.410 đồng. Số tiền nợ gốc bà Th chưa trả là 2.000.000đ**

Người thứ 13: **Ngô Thị T,** sinh năm: 1975, trú tại: 46 Đoàn Thị Đ, thị trấn Ph, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đã vay của Th và T số tiền là 5.000.000 đồng, thời gian vay là 25 ngày, số tiền phí là 500.000 đồng, mỗi ngày đóng 250.000 đồng, trong đó tiền gốc là 200.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng (lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Sau khi đóng được một số ngày thì bà Toàn tiếp tục vay (đáo hạn) thêm 01 lần nữa. Tổng cộng 02 lần vay bà Toàn đóng được 20 ngày với số tiền lãi là 1.000.000đ trong (tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 54.794 đồng). Số tiền lãi và tiền phí mà T và Th thu lợi bất chính là 1.000.000đ (lãi đã thu) - 54.794đ (lãi cao nhất theo quy định của nhà nước) + 500.000đ phí/lần x 2 lần = **1.945.205 đồng.** Số tiền nợ gốc bà Toàn chưa trả là 3.800.000đ

Người thứ 14: **Võ Thành Tr**, sinh năm: 1975, trú tại: 00 X, thị trấn Ph, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đã vay của Th và T số tiền là 5.000.000 đồng, thời gian vay là 25 ngày, số tiền phí là 500.000 đồng, mỗi ngày đóng 250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 200.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng, lãi suất tương ứng là 182,5%/năm). Anh Tr đã đóng được 19 ngày với số tiền 4.750.000đ trong đó gốc là 3.800.000đ lãi 950.000đ (tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 52.054 đồng). Như vậy tiền lãi và tiền phí mà T và Th thu lợi bất chính là 950.000đ (lãi đã thu) - 52.054 đồng (tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước) + 500.000đ phí = **1.397.946 đồng**). Anh Tr nợ gốc chưa trả là 1.200.000đ.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự thì Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

$$\text{Lãi suất năm} = \frac{(\text{số tiền lãi} : \text{số tiền gốc}) \times 100\%) \times 365 \text{ ngày}}{\text{Số ngày vay}}$$

$$\text{Lãi suất vượt quá} = \frac{\text{Lãi suất năm}}{20\%}$$

Như vậy, tổng số tiền mà các bị cáo Trần Văn T và Trần Văn Th cho 14 cá nhân vay với 40 lượt vay, tổng số tiền là **136.680.000đ** đồng, tổng số tiền lãi và phí mà T đã thu lợi là 43.254.521 đồng. Trong đó tiền phí 19.700.000 đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 1.365.479 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 23.554.521 đồng. Do đó, số tiền như vậy T đã thu lợi bất chính từ hoạt động cho vay trên với số tiền: 43.254.521 đồng – 1.365.479 đồng = 41.889.042đồng. Số tiền gốc T đã thu được từng người vay đã làm tròn số là 99.680.000 đồng, tổng số tiền gốc những người vay còn nợ của T là 37.000.000 đồng.

Đồ vật, tài liệu bị tạm giữ

Ngày 29/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy S8 Plus, màu đen, số IMEI: 359116088855987/01; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu bạc, số IMEI: 353271071129423; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu sơn trắng xanh, số khung: 1740FY006968, số máy E3T6E040493, biển số 47L1-178.21 của Trần Văn T và Trần Văn Th.

Tại Cáo trạng số 04/CT-VKS -TPBMT ngày 07/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk đã truy tố các bị cáo Trần Văn T và Trần Văn Th về tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự .

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk giữ nguyên quyết định truy tố đối với Trần Văn T và Trần Văn Th, về tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự và đề nghị:

- *Về hình phạt*: Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; Điều 36 điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt:

1. Bị cáo Trần Văn T 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ.

2. Bị cáo Trần Văn Th từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Đề nghị khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Trần Văn T và Trần Văn Th trong thời gian chấp hành hình phạt mỗi bị cáo từ 300.000đ đến 500.000đ để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị phạt tiền bị cáo Trần Văn T từ 30.000.000đ đến 40.000.000đ để sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với việc Trần Văn T và Trần Văn Th khai nhận T và Th còn cho một số đối tượng ở tại thành phố Buôn Ma Thuột và huyện Krông Păk, tỉnh Đắk Lắk vay tiền gồm: Cho bà Th, Lê Thị H, Nh TP, H trẻ Ph, H già Ph, H giáo viên, H giáo viên, V Pa, Th Tạ Quang B, H Pa Thôn 00, H NVC. Tuy nhiên, quá trình điều tra không xác định cụ thể được lai lịch, địa chỉ người vay tiền. Hiện Cơ quan điều tra chưa làm việc được với những người này nên không đủ căn cứ chứng minh việc T, Th cho vay tiền và số tiền thu lợi bất chính đối với những khoản vay này để xử lý về hành vi cho vay lãi nặng. Do vậy, Cơ quan điều tra tách ra khỏi vụ án tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý theo quy định pháp luật.

- Đối với bà Nguyễn Thị Hồng Th, sinh năm 1978, trú tại: 00 Mai Hắc Đ, phường T, thành phố Buôn Ma Thuột, là người cho Trần Văn T và Trần Văn Th, thuê nhà tại địa chỉ 00 Nguyễn Cơ Th, phường T, thành phố B. Tuy nhiên, bà Th không biết T và Th sử dụng nhà làm địa điểm hoạt động phạm tội nên Cơ quan điều tra không đề cập kê biên tài sản và xử lý đối với bà Th, là phù hợp nên cần chấp nhận.

- Đối với đối tượng đã bán tài khoản tại phần mềm mecash cho Trần Văn T. Hiện Cơ quan điều tra chưa xác định rõ nhân thân lai lịch nên tách ra khỏi vụ án tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy S8 Plus, màu đen, số IMEI: 359116088855987/01; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu bạc, số IMEI: 353271071129423 là công cụ mà các bị cáo Trần Văn T và Trần Văn Th sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

Truy thu số tiền 120.745.479 đồng. Trong đó: Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 1.365.479 đồng, tiền gốc người vay trả là 99.680.000 đồng và tiền hợp đồng/khoản vay là 19.700.000 đồng, là tiền Trần Văn T, Trần Văn Th sử dụng để phạm tội nên C truy thu sung ngân sách Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự:

+ Buộc bị cáo Trần Văn T phải trả lại số tiền 23.554.521 đồng đã thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:

- Trả cho bà Phan Ng H số tiền 2.259.041 đồng;
- Trả cho bà Trần Thị C số tiền 3.828.082 đồng;
- Trả cho bà Huỳnh Thị C số tiền 2.977.397 đồng;
- Trả cho bà HLai Mỹ C1 số tiền 2.552.055 đồng;
- Trả cho bà H số tiền 2.173.873 đồng;
- Trả cho bà Phan Thị H số tiền 472.603 đồng;

- Trả cho bà Trần Thị Xuân M số tiền 1.398.904 đồng;
- Trả cho bà Phan Thị Ng số tiền 756.164 đồng;
- Trả cho ông Bùi Văn Ph số tiền 1.143.699 đồng;
- Trả cho bà Huỳnh Thị Minh Th số tiền 1.465.068 đồng;
- Trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 793.973 đồng;
- Trả cho bà Nguyễn Thị Th1 số tiền 1.890.410 đồng;
- Trả cho bà Ngô Thị T số tiền 945.205 đồng;
- Trả cho ông Võ Thành Tr số tiền 897.945 đồng.

+ Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp số tiền 37.000.000 đồng nợ gốc đã vay chưa trả cho bị cáo Trần Văn T để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể:

- Bà Phan Ng H số tiền 3.680.000 đồng;
- Bà Trần Thị C số tiền 3.200.000 đồng;
- Bà Huỳnh Thị C số tiền 2.800.000 đồng;
- Bà HLai Mỹ C1 số tiền 3.200.000 đồng;
- Bà H số tiền 3.800.000 đồng;
- Bà Phan Thị H số tiền 3.000.000 đồng;
- Bà Trần Thị Xuân M số tiền 1.920.000 đồng;
- Bà Phan Thị Ng số tiền 1.800.000 đồng;
- Ông Bùi Văn Ph số tiền 1.360.000 đồng;
- Bà Huỳnh Thị Minh Th số tiền 2.600.000 đồng;
- Bà Nguyễn Thị Th số tiền 2.640.000 đồng;
- Bà Nguyễn Thị Th1 số tiền 2.000.000 đồng; b
- Bà Ngô Thị T số tiền 3.800.000 đồng;
- Ông Võ Thành Tr số tiền 1.200.000 đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Văn T, Trần Văn Th không tranh luận gì với đại diện viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố thì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, cụ thể: Trần Văn T và Trần Văn Th khai: Từ tháng 6/2020 đến ngày 29/8/2020 tại địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột và huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, T và Th đã cho 14 cá nhân vay tiền tương ứng với 42 lượt vay với tổng số tiền gốc đã cho vay là 136.680.000đ đồng, thu lãi vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ Luật dân sự quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 41.889.042 đồng.

Việc cho vay, bị cáo T tự đặt ra mức lãi suất và phí từ 360,5% đến 421,5%/năm (gấp 18 đến 21 lần so với lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự mà nhà nước quy định là 20%/năm được quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015). Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cùng các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, Cáo trạng số 04/CT-VKSTP.BMT ngày 07/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố đối với bị cáo Trần Văn T và Trần Văn Th, về tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Điều 201 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm."

[3] Hành vi của các bị cáo tuy đơn giản nhưng nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng mà hành vi của các bị cáo còn mang tính chất bóc lột, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điêu đứng; gây bất bình trong quần chúng nhân dân, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, xã hội nói chung. Các bị cáo đều là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đầy đủ năng lực hành vi, đủ khả năng nhận thức được pháp luật; biết rõ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật nhưng vì hám lợi, muốn có tiền một cách nhanh chóng nên vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo T tự đặt ra mức lãi suất từ 360,5% đến 421,5%/năm, cao gấp 18 đến 21 lần so với lãi suất cao nhất trong

giao dịch dân sự mà nhà nước quy định là 20%/năm được quy định trong Bộ luật Dân sự. Đồng thời bị cáo đã thu lợi bất chính tổng số tiền 41.889.042 đồng. Để đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm mà đặc biệt là tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột và huyện Krông Pắc nói riêng và cả nước nói chung nên C phải xử lý nghiêm để các bị cáo có điều kiện được giáo dục và cải tạo thành người công dân tốt sau này cũng như răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Trong vụ án này có nhiều bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên mức độ tham gia của từng bị cáo trong vụ án là khác nhau nên C phân hóa vai trò, nhân thân của từng bị cáo để có mức hình phạt phù hợp.

Đối với bị cáo Trần Văn T, bị cáo là người có vai trò chính trong vụ án, số tiền cho vay là của bị cáo, mức lãi suất do bị cáo đặt ra và số tiền thu lợi bất chính cũng do bị cáo quản lý sử dụng, bị cáo Th phải làm theo sự điều khiển của bị cáo. Vì vậy, mức án đối với bị cáo cũng phải cao hơn so với bị cáo Th là phù hợp.

Đối với Trần Văn Th bị cáo tham gia với vai trò giúp sức cho bị cáo T. Bị cáo Th nhận thức được việc cho vay nặng lãi bị pháp luật nghiêm cấm. Tuy nhiên, khi bị cáo T thuê giúp việc cho T bị cáo chẳng những không ngăn cản mà còn đồng ý và giúp sức tích cực cho T trong việc thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cũng phải có mức hành phạt tương xứng đối với các bị cáo nhưng thấp hợn so với bị cáo T là phù hợp.

[4] Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Xét trong quá trình tố tụng và tại phiên toà các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5]. Về hình phạt:

- Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Xét thấy: Các bị cáo cho vay với mức lãi suất cao để thu lợi bất chính từ việc cho vay, xét thấy các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử áp dụng điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo mức án cải tạo không giam giữ và khấu trừ thu nhập của các bị cáo trong thời gian các bị cáo

chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp với quy định của pháp luật. Các bị cáo là lao động phổ thông nên Hội đồng xét xử khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, đối với bị cáo T là 500.000đồng/tháng, bị cáo Th là 300.000 đồng/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Th cho vay lãi nặng và thu lợi bất chính nên C áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

Đối với Trần Văn Th, bị cáo là người được T thuê và trả lương hàng tháng, Th không trực tiếp bỏ tiền ra để cho vay và không hưởng lợi trong khoản tiền thu lợi bất chính. Do vậy, HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[6]. Về biện pháp tư pháp và vật chứng:

[6.1] Truy thu của bị cáo Trần Văn T số tiền 120.745.479 đồng. Trong đó: tiền gốc người vay trả là 99.680.000 đồng; tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 1.365.479 đồng và tiền hợp đồng/khoản vay là 19.700.000 đồng, là số tiền Trần Văn T, Trần Văn Th sử dụng để phạm tội nộp sung ngân sách Nhà nước;

+ Quá trình điều tra đã xác định, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã vay tiền của bị cáo T số tiền 37.000.000 đồng nợ gốc. Đây là số tiền bị cáo T dùng vào việc phạm tội nên buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể:

- Bà Phan Ng H phải nộp số tiền 3.680.000 đồng;
- Bà Trần Thị C phải nộp số tiền 3.200.000 đồng;
- Bà Huỳnh Thị C phải nộp số tiền 2.800.000 đồng;
- Bà HLai Mỹ C1 phải nộp số tiền 3.200.000 đồng;
- Bà H phải nộp số tiền 3.800.000 đồng;
- Bà Phan Thị H phải nộp số tiền 3.000.000 đồng;
- Bà Trần Thị Xuân M phải nộp số tiền 1.920.000 đồng;
- Bà Phan Thị Ng phải nộp số tiền 1.800.000 đồng;
- Ông Bùi Văn Ph phải nộp số tiền 1.360.000 đồng;
- Bà Huỳnh Thị Minh Th phải nộp số tiền 2.600.000 đồng;
- Bà Nguyễn Thị Th phải nộp số tiền 2.640.000 đồng;
- Bà Nguyễn Thị Th1 phải nộp số tiền 2.000.000 đồng;
- Bà Ngô Thị T phải nộp số tiền 3.800.000 đồng;
- Ông Võ Thành Tr phải nộp số tiền 1.200.000 đồng.

[6.2] Về phần dân sự của vụ án:

+ Buộc bị cáo Trần Văn T trả lại số tiền 23.554.521đồng đã thu lợi bất chính đồng đã thu lợi bất chính cho những người vay tiền là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cụ thể:

- Trả cho bà Phan Ng H số tiền 2.259.041 đồng;
- Trả cho bà Trần Thị C số tiền 3.828.082 đồng;
- Trả cho bà Huỳnh Thị C số tiền 2.977.397 đồng;
- Trả cho bà HLai Mỹ C1 số tiền 2.552.055 đồng;
- Trả cho bà H số tiền 2.173.873 đồng;
- Trả cho bà Phan Thị H số tiền 472.603 đồng;
- Trả cho bà Trần Thị Xuân M số tiền 1.398.904 đồng;
- Trả cho bà Phan Thị Ng số tiền 756.164 đồng;
- Trả cho ông Bùi Văn Ph số tiền 1.143.699 đồng;
- Trả cho bà Huỳnh Thị Minh Th số tiền 1.465.068 đồng;
- Trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 793.973 đồng;
- Trả cho bà Nguyễn Thị Th1 số tiền 1.890.410 đồng;
- Trả cho bà Ngô Thị T số tiền 945.205 đồng;
- Trả cho ông Võ Thành Tr số tiền 897.945 đồng.

[7.2] Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ những vật chứng C xử lý như sau:

- Đối với xe mô tô biển số 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu sơn trắng xanh, số khung: 1740FY006968, số máy E3T6E040493, biển số 47L1-178.21 mà bị cáo Trần Văn T và Trần Văn Th dùng vào việc phạm tội Quá trình điều tra xác định xe mô tô biển số 47L1-178.21 Trần Văn T mua tại cửa hàng xe máy Quảng Lợi, địa chỉ 142 Lê Duẩn, phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột, do bà Phạm Thu Huyền làm quản lý. Sau khi mua bán xe mô tô T không giữ lại giấy tờ mua bán chiếc xe nói trên. Quá trình điều tra xác định: Chiếc xe mô tô biển số 47L1-178.21, do bà Lê Thị Kim Phượng (sinh năm: 1978, trú tại: Thôn 1, thị trấn Buôn Trấp, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk), đứng tên chủ xe. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, chưa làm việc được với bà Phượng nên tách chiếc xe mô tô ra khỏi vụ án, để tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật là phù hợp.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy S8 Plus, màu đen, số IMEI: 359116088855987/01; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu bạc, số IMEI: 353271071129423 do là công cụ Trần Văn T và Trần Văn Th sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước là phù hợp.

- Đối với bà Nguyễn Thị H Th, sinh năm 1978, trú tại: 00 Mai Hắc Đ, phường T, thành phố B, là người cho Trần Văn T và Trần Văn Th, thuê nhà tại địa chỉ 00 Nguyễn Cơ Th, phường T, thành phố B. Tuy nhiên quá trình điều tra xác định được bà Th không biết T và Th sử dụng nhà làm địa điểm hoạt động phạm tội nên Cơ quan điều tra không đề cập kê biên tài sản và xử lý đối với bà Th, là phù hợp nên cần chấp nhận.

- Đối với đối tượng đã bán tài khoản tại phần mềm mecash cho Trần Văn T. Hiện Cơ quan điều tra chưa xác định rõ nhân thân lai lịch nên tách ra khỏi vụ án tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Ngoài ra, trong vụ án này, từ tháng 06/2020 đến tháng tháng 8/2020, bị cáo Trần Văn T cùng đồng bọn đã cho một số người vay tiền bao gồm: Bà Th, bà Nguyễn Thị H, Lê Thị H, Trương Th và Trần Thị H, Nh TP, H tr Ph An, H già Ph An, H giáo viên, H1 giáo viên, V Pa, Th Tạ Quang B, H Pa Thôn 4, H NVC. Tuy nhiên, quá trình điều tra chưa xác định cụ thể được lai lịch, địa chỉ người vay tiền. Hiện Cơ quan điều tra chưa làm việc được với những người này nên không đủ căn cứ chứng minh việc T, Th cho vay tiền và số tiền thu lợi bất chính đối với những khoản vay này để xử lý về hành vi cho vay lãi nặng. Do vậy, Cơ quan điều tra tách ra khỏi vụ án tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý theo quy định pháp luật nhưng do T và đồng bọn không nhớ được những thông tin của những người đã vay; Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thông báo tìm những người vay nhưng không xác định được nên tách ra khỏi vụ án để làm rõ, xử lý sau.

[7] Ý kiến luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về phần tội danh, điều luật, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ, xửa lý vật chứng, trách nhiệm dân sự đối với vụ án là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

[8] Các bị cáo Trần Văn T, Trần Văn Th phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Trần Văn T phải phải án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 201; Điều 36; khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2, 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn T, Trần Văn Th phạm tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Trần Văn T tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Ngh, huyện Nghĩa H, tỉnh Nam Định nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ thu nhập trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 500.000đ/tháng (6.000.000đ/12tháng) để sung công quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Ngh, huyện Nghĩa H, tỉnh Nam Định nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Trần Văn T 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn Th 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Trần Văn Th tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Ngh, huyện Nghĩa H, tỉnh Nam Định nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ thu nhập trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 300.000đ/tháng (2.700.000đồng/09tháng) để sung công quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Trần Văn Th cho Ủy ban nhân dân xã Ngh, huyện Nghĩa H, tỉnh Nam Định nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Các biện pháp tư pháp và vật chứng:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy S8 Plus, màu đen, số IMEI: 359116088855987/01và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu bạc, số IMEI: 353271071129423 do của Trần Văn T và Trần Văn Th sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

- Truy thu của bị cáo Trần Văn T số tiền 120.745.479đ (một trăm hai mươi triệu, bảy trăm bốn mươi lăm nghìn bốn trăm bảy chín đồng). Trong đó: tiền gốc người vay trả là 99.680.000 đồng; 1.365.479 đồng tiền lãi (theo quy định lãi suất 20%/năm) và 19.700.000đồng tiền hợp đồng/khoản vay.

Về trách nhiệm dân sự:

+ Buộc bị cáo Trần Văn T trả lại số tiền 23.554.521đồng đã thu lợi bất chính đồng từ những người vay tiền là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cụ thể:

- Trả cho bà Phan Ng H số tiền 2.259.041 đồng;
- Trả cho bà Trần Thị C số tiền 3.828.082 đồng;
- Trả cho bà Huỳnh Thị C số tiền 2.977.397 đồng;
- Trả cho bà Lai Mỹ C1 số tiền 2.552.055 đồng;
- Trả cho bà H số tiền 2.173.873 đồng;
- Trả cho bà Phan Thị H số tiền 472.603 đồng;
- Trả cho bà Trần Thị Xuân M số tiền 1.398.904 đồng;
- Trả cho bà Phan Thị Ng số tiền 756.164 đồng;
- Trả cho ông Bùi Văn Ph số tiền 1.143.699 đồng;
- Trả cho bà Huỳnh Thị Minh Th số tiền 1.465.068 đồng;
- Trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 793.973 đồng;
- Trả cho bà Nguyễn Thị Th1 số tiền 1.890.410 đồng;
- Trả cho bà Ngô Thị T số tiền 945.205 đồng;
- Trả cho ông Võ Thành Tr số tiền 897.945 đồng.

+ Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp số tiền **37.000.000** đồng nợ gốc đã vay chưa trả cho bị cáo Trần Văn T để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể:

- Bà Phan Ng H phải nộp số tiền 3.680.000 đồng;
- Bà Trần Thị C phải nộp số tiền 3.200.000 đồng;
- Bà Huỳnh Thị C phải nộp số tiền 2.800.000 đồng;
- Bà Lai Mỹ C1 phải nộp số tiền 3.200.000 đồng;
- Bà H phải nộp số tiền 3.800.000 đồng;
- Bà Phan Thị H phải nộp số tiền 3.000.000 đồng;
- Bà Trần Thị Xuân M phải nộp số tiền 1.920.000 đồng;
- Bà Phan Thị Ng phải nộp số tiền 1.800.000 đồng;
- Ông Bùi Văn Ph phải nộp số tiền 1.360.000 đồng;
- Bà Huỳnh Thị Minh Th phải nộp số tiền 2.600.000 đồng;
- Bà Nguyễn Thị Th phải nộp số tiền 2.640.000 đồng;
- Bà Nguyễn Thị Th1 phải nộp số tiền 2.000.000 đồng;
- Bà Ngô Thị T phải nộp số tiền 3.800.000 đồng;
- Ông Võ Thành Tr phải nộp số tiền 1.200.000 đồng.

Về án phí: Các bị cáo Trần Văn T, Trần Văn Th mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Văn T phải chịu 1.177.726 đồng *(Một triệu, một trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT I - TANDTC
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THA DS Tp. B
- Bị cáo; NLQ;
- Thi hành án hình sự;
- UBND xã Ngh, H. Nghĩa H. tỉnh Nam Định
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Th Hiền